Hội Sở chính
Số 89 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
ĐT: (84.4) 39288869 Fax: (84.4) 39288867
Swift: VPBKVNVX Website:www.vpb.com.vn

VPBCORPAO

GIẤY ĐỀ NGHỊ KIÊM HỢP ĐỒNG MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN THANH TOÁN[1]

PROPOSAL CUM CONTRACT FOR OPENING AND USING ACCOUNT

(Áp dụng cho Khách hàng tổ chức/ Apply for Corporate Customers)

Số/ *No*: _____

Khách hàng là tổ chức mở và sử dụng TKTT thông qua Chi nhánh/Văn phòng đại diện của Doanh nghiệp/ ***Corporate Customer opens and uses the account(s) through its Branch/Representative office***

Kính gửi/ *To:* **Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng/** ***Vietnam Prosperity Joint-Stock Commercial Bank*** **(VPBank) – Chi nhánh/** ***Branch of*** _____

A- PHẦN DÀNH CHO KHÁCH HÀNG/ ***FOR CUSTOMER*:**

I. TÊN CHỦ TÀI KHOẢN (IN HOA)/ ***ACCOUNT HOLDER NAME (UPPERCASE)***

Tên tiếng Việt/ *Name in Vietnamese*: [Tên Khách hàng/ *Customer name*][2]_____

_____

– [Tên Chi nhánh/VPĐD/ *Branch/Representative office name*][3]: _____

_____

Tên tiếng nước ngoài/*Name in foreign language*: [Tên Khách hàng/ *Customer name*][4]

_____

– [Tên Chi nhánh/VPĐD/ *Branch/Representative office name*][5]: _____

_____

Tên viết tắt/ *Name in abbreviation*: [Tên Khách hàng/ *Customer name*][6] _____

_____

– [Tên Chi nhánh/VPĐD/ *Branch/Representative office name*]:[7] _____

_____

1. **THÔNG TIN TỔ CHỨC – CHỦ TÀI KHOẢN/** ***INFORMATION ABOUT CORPORATE – ACCOUNT HOLDER:***

Số hồ sơ (CIF) nếu có/ *Customer information file (if any)*: _____

ĐKDN/ĐKKD/QĐTL/ *Business Registration Certificate/Incorporation Decision*: _____

ngày đăng ký /thành lập/ *Date of registration/Establishment* _____

Nơi cấp/*Place issue*:_____, đăng ký thay đổi lần/*Registration change for the* _____ngày/*date* _____

Quốc gia đăng ký/thành lập/ *Country of Registration/Establishment*:_____

Mã số thuế/*Tax code*:_____

Tình trạng cư trú/ *Residential Status*: ☐ Cư trú/ *Resident* ☐ Không cư trú/ *Non- Resident*

Địa chỉ trụ sở chính/ *Registered Office*:_____

Địa chỉ giao dịch/*Bussiness address*: _____

[1] Đơn vị lưu ý đọc kỹ hướng dẫn sử dụng mẫu
[2] Điền tên Công ty/pháp nhân mẹ
[3] Điền tên CN/VPĐD
[4] Điền tên Công ty/pháp nhân mẹ
[5] Điền tên CN/VPĐD
[6] Điền tên Công ty/pháp nhân mẹ
[7] Điền tên CN/VPĐD

Điện thoại cố định/ *Telephone Number*: _____Fax/*Bussiness fax*:_____ _____
Điện thoại di động/Mobile: _____Email : _____
(sử dụng để nhận các thông báo từ VPBank/ used for receiving VPBank's notification)
Lĩnh vực hoạt động kinh doanh/*Business Activity*:_____
Loại hình tổ chức/*Type of entity:*

☐ Công ty TNHH/ *Limited Liability Company* ☐ Công ty Cổ phần/ *Joint Stock Company* ☐ Khác/ *Other*: _____
☐ Công ty Hợp danh/ *Partnership* ☐ Doanh nghiệp Nhà nước/ *State-owned Enterprise*

(*) ***Đối với Khách hàng (KH) thuộc phân khúc SME đề nghị cung cấp thêm các thông tin dưới, KH phân khúc khác không yêu cầu cung cấp/ To SME customers only, please provide below information:***

Doanh thu năm trước (tỷ đồng)/ *Sales revenue of the previous year (billion VND)*:

☐≤ 3 ☐Trên/*Over* 10 - 20 ☐Trên/*Over* 30 - 50 ☐Trên/*Over* 100 - 200 ☐Trên/*Over* 300 - 400
☐Trên/*Over* 3 - 10 ☐ Trên/*Over* 20 - 30 ☐Trên/*Over* 50 - 100 ☐Trên/*Over* 200 - 300 ☐> 400

Tổng nguồn vốn (tỷ đồng)/ *Total capital (billion VND)*:

☐≤ 03 ☐Trên/*Over* 20 - 50 ☐> 100
☐Trên/*Over* 3 - 20 ☐Trên/*Over* 50 - 100

Số lượng lao động/ *Number of employees*:
□ Từ mức 10 người trở xuống/ *Up to 10 employees* □ Trên 10 người/ *More than 10 employees*
Số lượng lao động tham gia BHXH bình quân năm (người)/ *Number of employees joining annual social insurance:*

☐≤ 10 ☐Trên/*Over* 10 - 50 ☐Trên/ *over* 50 - 100 ☐Trên/*Over* 100 - 200 ☐> 200

☐ Khách hàng **được** sở hữu bởi Phụ nữ, cụ thể/ *Customer is owned by women*:

☐ (WOS1) - Khách hàng có ít nhất 51% số vốn góp/ cổ phần sở hữu bởi phụ nữ/ *at least 51% of shares owned by females*

☐ (WOS2) - Khách hàng có ít nhất 20% đến dưới 51% số vốn góp/ cổ phần sở hữu bởi phụ nữ và có ít nhất 01 phụ nữ là Giám đốc/Tổng Giám đốc đồng thời có ít nhất 30% phụ nữ là thành viên trong Hội đồng Quản trị/ Hội đồng thành viên/ *at least 20% under to 51% of capital/shares owned by females and there is at least 1 female being Director/CEO. As well as females accounted for at least 30% of member of BOD/Member Board*

☐ MOS - Khách hàng **không được** sở hữu bởi Phụ nữ/ */ Customer is not owned by Females*

2. ĐĂNG KÝ THÔNG TIN CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN – ĐƠN VỊ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN/ *REGISTRATION FOR INFORMATION ABOUT BRANCH/REPRESENTATIVE OFFCE USING THE ACCOUNT*:

ĐKDN/ĐKKD/QĐTL/ *Business Registration Certificate/Incorporation Decision*: _____
ngày đăng ký /thành lập/ *Date of registration/Establishment* _____
Nơi cấp/ *Place issue*:_____ , đăng ký thay đổi lần/ *Registration change for the* _____ ngày/ *date* _____
Quốc gia đăng ký/thành lập/ *Country of Registration/Establishment*:_____ Mã số thuế/ *Tax code*:_____
Tình trạng cư trú/ *Residential Status*: ☐ Cư trú/ *Resident* ☐ Không cư trú/ *Non- Resident* Địa chỉ trụ sở chính/ *Registered Office*: _____
Địa chỉ giao dịch/ *Bussiness address*: _____

Điện thoại cố định/ *Telephone Number*: _____Fax:_____
Website:_____

Điện thoại di động/ *Mobile*: _____ Email : _____*(sử dụng để nhận các thông báo từ VPBank/ used for receiving VPBank's notification)*

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh/ *Business Activity*: _____

II. ĐĂNG KÝ THÔNG TIN ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, GIÁM ĐỐC/TRƯỞNG CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN; THÔNG TIN ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CHỦ TÀI KHOẢN VÀ ĐĂNG KÝ MẪU CHỮ KÝ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN*/ *REGISTRATION FOR INFORMATION ABOUT THE LEGAL REPRESENTATIVE, MANAGING DIRECTOR/CHIEF OF BRANCH/REPRESENTATIVE OFFICE; INFORMATION ABOUT AUTHORIZED REPRESENTATIVE OF ACCOUNT HOLDER, AND REGISTRATION FOR SIGNATURE SAMPLES*

Lưu ý: Thông tin số thị thực nhập cảnh, ngày hết hạn, nơi cấp; Địa chỉ cư trú tại nước ngoài áp dụng đối với Người nước ngoài/Người không quốc tịch/Người có từ 2 quốc tịch trở lên./ Visa no, expiry date, place of issue, Overseas Permanent address fields are applicable to Non-resident/Non-nationality/More than 1 Nationality Person

1. THÔNG TIN ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/ *LEGAL REPRESENTATIVE*	**MẪU CHỮ KÝ 1/ *SPECIMEN SIGNATURE 1***	**MẪU CHỮ KÝ 2/ *SPECIMEN SIGNATURE 2***
Họ và tên/*Full name*: _____ Ngày sinh/*Date of birth*: _____ ☐Nam/*Male* ☐Nữ/*Female* Nghề nghiệp/ *Occupation*:_____ Chức vụ/*Position*: _____ Quốc tịch/ *Nationality*: _____ Số CMND/HC/Thẻ CCCD/ *ID/Passport Number*:_____ Ngày cấp/ *Date of issuance*: _____ Nơi cấp/ *Place of issuance*: _____ Điện thoại/*Mobile*: _____ Email: _____		
Địa chỉ thường trú/cư trú ở nước ngoài/*Permanent address/ Foreign residence address*:_____ Nơi ở hiện tại/ đăng ký cư trú tại VN/*Present address /VN residence address*: _____ Tình trạng cư trú/ *Residential Status*: ☐ Cư trú/ *Resident* ☐ Không cư trú/ *Non-resident* Số thị thực/ *Visa Number*: _____Nơi cấp/ *Place of issuance*: _____ Ngày hết hạn/ *expiration date*: _____		
2. THÔNG TIN GIÁM ĐỐC/TRƯỞNG CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ *INFORMATION ABOUT THE MANAGING DIRECTOR/ CHIEF OF BRANCH/REPRESENTATIVE OFFICE*	**MẪU CHỮ KÝ 1/ *SPECIMEN SIGNATURE 1***	**MẪU CHỮ KÝ 2/ *SPECIMEN SIGNATURE 2***
Họ và tên/*Full name*: _____ Ngày sinh/*Date of birth*: _____ ☐Nam/*Male* ☐Nữ/*Female* Nghề nghiệp/ *Occupation*:_____ Chức vụ/*Position*: _____ Quốc tịch/ *Nationality*: _____ Số CMND/HC/Thẻ CCCD/ *ID/Passport Number*:_____ Ngày cấp/ *Date of issuance*: _____ Nơi cấp/ *Place of issuance*: _____ Điện thoại/*Mobile*: _____		

Email: _____		

Địa chỉ thường trú/cư trú ở nước ngoài/*Permanent address/ Foreign residence address*:_____
_____
Nơi ở hiện tại/ đăng ký cư trú tại VN/*Present address /VN residence address*: _____
_____
Tình trạng cư trú/ *Residential Status*: ☐ Cư trú/ *Resident* ☐ Không cư trú/ *Non-resident*
Số thị thực/ *Visa Number*: _____Nơi cấp/ *Place of issuance*: _____
Ngày hết hạn/ *expiration date*: _____

3. THÔNG TIN ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CHỦ TÀI KHOẢN VÀ ĐĂNG KÝ MẪU CHỮ KÝ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN/ *INFORMATION ABOUT THE LEGAL REPRESENTATIVE, AUTHORIZED REPRESENTATIVE OF THE ACCOUNT HOLDER AND REGISTRATION FOR SIGNATURE SAMPLES*	**NHÓM CHỮ KÝ THỨ NHẤT/ *THE FIRST GROUP'S SIGNATURES***

3.1 □ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/ *THE LEGAL REPRESENTATIVE*:

- Thông tin và mẫu chữ ký theo đăng ký nêu trên; và thực hiện đầy đủ quyền của Chủ tài khoản/ *The information and signature sample have hereinabove already registered; and The legal representative has entire authority to exercise the rights of the Account Holder*

3.2 ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN THỨ NHẤT/ *THE FIRST AUTHORIZED REPRESENTATIVE:*

□ Là Giám đốc/Trưởng Chi nhánh/Văn phòng đại diện/ Managing Director/Chief of Branch/Representative office:

- Thông tin và mẫu chữ ký theo đăng ký nêu trên; và / *The information and signature sample have hereinabove already registered; and*
- Thực hiện đầy đủ quyền của Chủ tài khoản/ *Director/Chief of Branch/Representative office has entire authority to exercise the rights of the Account Holder*
- Phạm vi đại diện, Thời hạn ủy quyền/ *Register for authorization to use the account by selecting the authorization method below* :

Chúng tôi lựa chọn phương thức ủy quyền số ____ dưới đây/ *We choose authorization method no. ... as follows*:

1. Theo ủy quyền như nêu tại mục VIII, Giấy đề nghị này/ *As authorized on section VIII of this Request cum Contract.*
2. Theo Văn bản ủy quyền số/ *According to Authorisation letter No* _____ ngày/ *date* _____ của/ *of*_____

3.3 ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN THỨ HAI/ *SECOND AUTHORIZED PERSON*	**MẪU CHỮ KÝ 1/ *SPECIMEN SIGNATURE 1***	**MẪU CHỮ KÝ 2/ *SPECIMEN SIGNATURE 2***
Họ và tên/*Full name*: _____ Ngày sinh/*Date of birth*: _____ ☐Nam/*Male* ☐Nữ/*Female* Nghề nghiệp/ *Occupation*:_____ Chức vụ/*Position*: _____ Quốc tịch/ *Nationality*: _____ Số CMND/HC/Thẻ CCCD/ *ID/Passport Number*:_____ Ngày cấp/ *Date of issuance*: _____ Nơi cấp/ *Place of issuance*: _____ Điện thoại/*Mobile*: _____ Email: _____		

Địa chỉ thường trú/cư trú ở nước ngoài/*Permanent address/ Foreign residence address*:_____
Nơi ở hiện tại/ đăng ký cư trú tại VN/*Present address /VN residence address*:_____
Tình trạng cư trú/ *Residential Status*: ☐ Cư trú/ *Resident* ☐ Không cư trú/ *Non-resident*
Số thị thực/ *Visa Number*:_____Nơi cấp/ *Place of issuance*: _____
Ngày hết hạn/ *expiration date*:_____

Phạm vi đại diện, thời hạn ủy quyền của Chủ tài khoản/ *Scope of representation, tenor of authorization*:

Chúng tôi lựa chọn phương thức ủy quyền số ____ dưới đây/ *We choose authorization method no. … as follows*:

1. Theo ủy quyền như nêu tại mục VIII, Giấy đề nghị này/ *As authorized on section VIII of this Request cum Contract.*.
2. Theo Văn bản ủy quyền số/ *According to Authorisation letter No* _____ ngày/*date* _____ của/*of*_____.

3.4 ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN THỨ BA/ *THE THIRD AUTHORIZED REPRESENTATIVE*	**MẪU CHỮ KÝ 1/ *SPECIMEN SIGNATURE 1***	**MẪU CHỮ KÝ 2/ *SPECIMEN SIGNATURE 2***
Họ và tên/*Full name*: _____ Ngày sinh/*Date of birth*: _____ ☐Nam/*Male* ☐Nữ/*Female* Nghề nghiệp/ *Occupation*:_____ Chức vụ/*Position*: _____ Quốc tịch/ *Nationality*: _____ Số CMND/HC/Thẻ CCCD/ *ID/Passport Number*:_____ Ngày cấp/ *Date of issuance*: _____ Nơi cấp/ *Place of issuance*: _____ Điện thoại/*Mobile*: _____ Email: _____		

Địa chỉ thường trú/cư trú ở nước ngoài/*Permanent address/ Foreign residence address*:_____
Nơi ở hiện tại/ đăng ký cư trú tại VN/*Present address /VN residence address*:_____
Tình trạng cư trú/ *Residential Status*: ☐ Cư trú/ *Resident* ☐ Không cư trú/ *Non-resident*
Số thị thực/ *Visa Number*:_____Nơi cấp/ *Place of issuance*: _____
Ngày hết hạn/ *expiration date*:_____

Phạm vi đại diện, thời hạn ủy quyền của Chủ tài khoản/ *Scope of representation, tenor of authorization*:

Chúng tôi lựa chọn phương thức ủy quyền số ____ dưới đây/ *We choose authorization method no. … as follows*:

1. Theo ủy quyền như nêu tại mục VIII, Giấy đề nghị này/ *As authorized on section VIII of this Request cum Contract.*.
2. Theo Văn bản ủy quyền số/ *According to Authorisation letter No* _____ ngày/*date* _____ của/*of*_____.

III. THÔNG TIN KẾ TOÁN TRƯỞNG/NGƯỜI PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN, NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CỦA KẾ TOÁN TRƯỞNG/PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN VÀ ĐĂNG KÝ MẪU CHỮ KÝ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN THANH TOÁN*/ *INFORMATION ABOUT THE CHIEF ACCOUNTANT/ PERSON IN CHARGE OF ACCOUNTING, AUTHORIZED REPRESENTATIVE OF CHIEF ACCOUNTANT/ PERSON IN CHARGE OF ACCOUNTING AND REGISTRATION FOR SIGNATURE SAMPLES**

Lưu ý: Thông tin số thị thực nhập cảnh, ngày hết hạn, nơi cấp; Địa chỉ cư trú tại nước ngoài áp dụng đối với Người nước ngoài/Người không quốc tịch/Người có từ 2 quốc tịch trở lên/ Visa no, expiry date, place of issue, Overseas Permanent address fields are applicable to Non-resident/Non-nationality/More than 1 Nationality Person

1. KẾ TOÁN TRƯỞNG/PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN/ *THE CHIEF ACCOUNTANT/PERSON IN CHARGE OF ACCOUNTING*	**NHÓM CHỮ KÝ THỨ HAI/ *THE SECOND GROUP'S SIGNATURES***	
	MẪU CHỮ KÝ 1/ *SPECIMEN SIGNATURE 1*	**MẪU CHỮ KÝ 2/ *SPECIMEN SIGNATURE 2***
Họ và tên/*Full name*: _____ Ngày sinh/*Date of birth*: _____		

☐Nam/*Male* ☐Nữ/*Female* Nghề nghiệp/ *Occupation*:_____ Chức vụ*/Position*: _____ Quốc tịch/ *Nationality*: _____ Số CMND/HC/Thẻ CCCD/ *ID/Passport Number*:_____ Ngày cấp/ *Date of issuance*: _____ Nơi cấp/ *Place of issuance*: _____ Điện thoại/*Mobile*: _____ Email: _____		
Địa chỉ thường trú/cư trú ở nước ngoài*/Permanent address/ Foreign residence address*:_____ Nơi ở hiện tại/ đăng ký cư trú tại VN*/Present address /VN residence address*:_____ Tình trạng cư trú/ *Residential Status*: ☐ Cư trú/ *Resident* ☐ Không cư trú/ *Non-resident* Số thị thực/ *Visa Number*:_____Nơi cấp/ *Place of issuance*: _____ Ngày hết hạn/ *expiration date*:_____		
2. NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN THỨ NHẤT/ *THE FIRST AUTHORIZED REPRESENTATIVE*	**MẪU CHỮ KÝ 1/ *SPECIMEN SIGNATURE 1***	**MẪU CHỮ KÝ 2/ *SPECIMEN SIGNATURE 2***
Họ và tên/*Full name*: _____ Ngày sinh*/Date of birth*: _____ ☐Nam/*Male* ☐Nữ/*Female* Nghề nghiệp/ *Occupation*:_____ Chức vụ*/Position*: _____ Quốc tịch/ *Nationality*: _____ Số CMND/HC/Thẻ CCCD/ *ID/Passport Number*:_____ Ngày cấp/ *Date of issuance*: _____ Nơi cấp/ *Place of issuance*: _____ Điện thoại/*Mobile*: _____ Email: _____		
Địa chỉ thường trú/cư trú ở nước ngoài*/Permanent address/ Foreign residence address*:_____ Nơi ở hiện tại/ đăng ký cư trú tại VN*/Present address /VN residence address*:_____ Tình trạng cư trú/ *Residential Status*: ☐ Cư trú/ *Resident* ☐ Không cư trú/ *Non-resident* Số thị thực/ *Visa Number*:_____Nơi cấp/ *Place of issuance*: _____ Ngày hết hạn/ *expiration date*:_____ **Phạm vi đại diện, thời hạn ủy quyền của Kế toán trưởng/** *Register for authorization to use the account by selecting the authorization method below***:** Chúng tôi lựa chọn phương thức ủy quyền số ____ dưới đây/ *We choose authorization method no. ... as follows*: 1. Theo ủy quyền như nêu tại mục VIII, Giấy đề nghị này/ *As authorized on section VIII of this Request cum Contract.*. 2. Theo Văn bản ủy quyền số/ *Authorisation letter No* _____ ngày/*date* _____ của/*of*_____		
3. NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN THỨ HAI/ *THE SECOND AUTHORIZED REPRESENTATIVE*	**MẪU CHỮ KÝ 1/ *SPECIMEN SIGNATURE 1***	**MẪU CHỮ KÝ 2/ *SPECIMEN SIGNATURE 2***
Họ và tên/*Full name*: _____ Ngày sinh*/Date of birth*: _____ ☐Nam/*Male* ☐Nữ/*Female* Nghề nghiệp/ *Occupation*:_____ Chức vụ*/Position*: _____ Quốc tịch/ *Nationality*: _____ Số CMND/HC/Thẻ CCCD/ *ID/Passport Number*:_____ Ngày cấp/ *Date of issuance*: _____ Nơi cấp/ *Place of issuance*: _____ Điện thoại/*Mobile*: _____ Email: _____		

Địa chỉ thường trú/cư trú ở nước ngoài/*Permanent address/ Foreign residence address*:____________________ Nơi ở hiện tại/ đăng ký cư trú tại VN/*Present address /VN residence address*:________________________ Tình trạng cư trú/ *Residential Status*: ☐ Cư trú/ *Resident* ☐ Không cư trú/ *Non-resident* Số thị thực/ *Visa Number*:__________________________Nơi cấp/ *Place of issuance*: ______________ Ngày hết hạn/ *expiration date*:_______________ **Phạm vi đại diện, thời hạn ủy quyền của Kế toán trưởng/** *Register for authorization to use the account by selecting the authorization method below***:** Chúng tôi lựa chọn phương thức ủy quyền số ____ dưới đây/ *We choose authorization method no. ... as follows*: 1. Theo ủy quyền như nêu tại mục VIII, Giấy đề nghị này/ *As authorized on section VIII of this Request cum Contract..* 2. Theo Văn bản ủy quyền số/ *Authorisation letter No* ______ ngày/*date* _________ của/*of*_________

IV. ĐĂNG KÝ MẪU DẤU VÀ NGUYÊN TẮC SỬ DỤNG MẪU DẤU, MẪU CHỮ KÝ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN THANH TOÁN* / *REGISTRATION OF SEAL SAMPLE AND THE PRINCIPLES OF USING SEAL AND SIGNATURE SAMPLE IN USE OF THE ACCOUNT**

Nguyên tắc sử dụng mẫu dấu và mẫu chữ ký/ ***The Principles of using the seal and signature samples***	**Đăng ký mẫu dấu/** ***Seal registration***	**Đăng ký mẫu dấu/** ***Seal registration***
Chứng từ giao dịch tài khoản của Chúng tôi chỉ có hiệu lực khi được đóng dấu (theo đăng ký tại mục này) và thỏa mãn một trong các điều kiện dưới đây/ *Our transaction document is only valid when stamped (as registered in this section) and satisfies one of the conditions below*: □ Có ít nhất một chữ ký thuộc Nhóm chữ ký thứ nhất của Chủ tài khoản (trong trường hợp tổ chức không bắt buộc phải bố trí Kế toán trưởng/phụ trách kế toán theo quy định của pháp luật); hoặc/ *At least one signature of the first group of the account holder (in case the company is not required to appoint chief accountant/person in charge of accounting) affixed to this document; or* □ Có ít nhất một chữ ký thuộc Nhóm chữ ký thứ nhất của Chủ tài khoản và một chữ ký thuộc Nhóm chữ ký thứ hai của Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán/Người được ủy quyền bởi Kế toán trưởng/phụ trách kế toán; hoặc/ *At least one signature of the first group of the account holder and one signature of the second group of the chief accountant/person in charge of accounting/Authorized person of chief accountant/person in charge of accounting; or* □ Quy định khác (vui lòng ghi rõ)/ *Another principle (please specify)*: ____________________________________		

V. ĐĂNG KÝ TÊN TÀI KHOẢN, LOẠI TÀI KHOẢN*/ *REGISTRATION OF ACCOUNT NAME, ACCOUNT TYPE**

1. **Đăng ký tên Tài khoản/** *Account name***:**

2. **Đăng ký loại tài khoản của Khách hàng/** *Account type***:**

▪ Loại tài khoản yêu cầu/ *Type of account*:	VND	USD	EUR	Khác/ *Ohter*: _____
▪ Tài khoản thanh toán/ *Current account*:	☐	☐	☐	☐
▪ Khác (xin nêu rõ)/ *Other (detail)*: _______________	☐	☐	☐	☐

VI. ĐĂNG KÝ DỊCH VỤ TÀI KHOẢN*/ *CURRENT ACCOUNT SERVICES**

1. **Đăng ký Dịch vụ nhận Sổ phụ tài khoản và Hóa đơn/** *Sub ledger and invoice receipt***:**

☐ Có/ ☐ Không/ *No*

- Tần suất nhận sổ phụ tài khoản/hóa đơn/ *Frequency of receiving sub ledger/invoice* :

☐ Hàng ngày/*daily* ☐ Hàng tuần/*weekly* ☐ Hàng tháng/*monthly* ☐ Khác/*Other*

Đăng ký xuất gộp hóa đơn/ *Requesting for joint billing*: ☐ Có/ *Yes* ☐ Không/*No*

- *Lưu ý: Yêu cầu xuất gộp hóa đơn chỉ có thể thực hiện đối với các giao dịch tại cùng một chi nhánh với cùng mã số thuế và trong cùng một tháng/*

  Note: Requirement to export and combine invoices could only be made for transactions at the same branch with the same tax code and in the same month

- Hình thức nhận sổ phụ tài khoản/ *Method of Receipt/* :

  □ Trực tiếp tại VPBank[8]/ *Collected at VPBank*: _____

  □ Qua bưu điện, địa chỉ nhận/ *Via post to this address*: _____

  □ Qua thư điện tử, địa chỉ email/ *Via email, Email address*: _____

  □ Qua fax, số fax/ *Via fax, Fax Number*: _____

  □ Qua Người giao nhận hồ sơ: theo đăng ký tại Mục IX, Giấy đề nghị này/ *Via the person delivering form: According to registry in Section IX of this Request*.

- Địa chỉ email nhận hóa đơn/ *E-Invoice receipt email*: _____

2. Đăng ký Dịch vụ SMS Banking/*SMS Banking Service*:

☐ Có/ *Yes* ☐ Không/ *No*

- Số điện thoại di động đăng ký/ *Registered Mobile Phone Numbers*:

  ĐTDĐ 1/ *Mobile 1*: _____ ĐTDĐ 2/ *Mobile 2*: _____

  ĐTDĐ 3/ *Mobile 3*: _____

- Tài khoản thu phí/ *Fee Account*:

☐ Số tài khoản/ *Fee Account:*_____ hoặc bất kỳ một trong các số tài khoản có đăng ký sử dụng Dịch vụ SMS Banking*/ One in all accounts regisstered for using SMS Banking*

☐ Tất cả các số tài khoản có đăng ký sử dụng Dịch vụ SMS Banking./ *All accounts regisstered for using SMS Banking*.

VII. THÔNG TIN FATCA VÀ THÔNG TIN CHỦ SỞ HỮU HƯỞNG LỢI CỦA KHÁCH HÀNG[9]*/ *INFORMATION OF FATCA AND INFORMATION OF BENEFICIAL OWNER*

1	**THÔNG TIN FATCA/ *INFORMATION OF FATCA***
Quý Khách hàng có phải là doanh nghiệp/ tổ chức **được thành lập tại Hoa Kỳ | hoạt động theo luật Hoa Kỳ hay bất kỳ bang nào của Hoa Kỳ? | có địa chỉ tại Hoa Kỳ?/** *Are you a company/entity* ***founded in the United States or operating under the laws of the United States or any State or addressed in the United States****?*	
□ **Có/ *Yes.*** Khách hàng vui lòng cung cấp/ *Please provide*:	1. Mã số thuế Hoa Kỳ của tổ chức[10] (Mã số TIN)/ *taxpayer identification number* [1] (Mã số TIN)/ *US TIN*)**:** ☐☐☐☐☐☐☐☐☐ 2. Nếu tổ chức thuộc diện đối tượng được miễn trừ báo cáo FATCA, vui lòng cung cấp Mã số miễn trừ báo cáo FATCA được cấp bởi chính phủ Hoa Kỳ/ **./** *In case of exemption from FATCA reporting, please provide Exemption code issued by U.S. government*. **Exemption code[11]/ : _____**

[8] Hướng dẫn Khách hàng điền thông tin Địa điểm giao dịch của VPBank – nơi khách hàng muốn đến nhận sổ phụ/ hóa đơn

[9] Khách hàng lần đầu thiết lập quan hệ với VPBank hoặc có thay đổi các thông tin tương ứng đã cung cấp cho VPBank thì cung cấp bổ sung các thông tin tại mục này.

[10] TIN gồm 9 ký tự số

[1] TIN gồm 9 ký tự số / includes a nine-digit number

[11] Để tham khảo thông tin về Mã số miễn trừ báo cáo FATCA, vui lòng xem bản Điều kiện- Điều kiện về tuân thủ đạo luật FATCA dành cho Khách hàng tổ chức được đăng tải trên website của VPBank

<table>
<tr><td rowspan="5">□ Không/ No. Khách hàng là/ Customer is:</td><td>□ Doanh nghiệp/ tổ chức phi tài chính nước ngoài (ngoài Hoa Kỳ) chủ động[12]/ Active Non-financial foreign entity (Active NFFE outside U.S.).</td></tr>
<tr><td>□ Doanh nghiệp/ tổ chức phi tài chính nước ngoài (ngoài Hoa Kỳ) bị động và/ Passive Non- financial foreign entity (Passive NFFE outside U.S.) and:
□ Không có Cá nhân có quyền kiểm soát hoặc có Cá nhân có quyền kiểm soát không phải là người Hoa Kỳ/ Passive NFFE without controlling person; or with Non U.S. controlling person(s).
□ Có Cá nhân có quyền kiểm soát là người Hoa Kỳ, vui lòng cung cấp/ Passive NFFE with U.S. controlling person(s). Please provide the name, address, and TIN of each U.S. controlling person:
<table>
<tr><th>Số/ No</th><th>Tên/ Name</th><th>Địa chỉ/ Address</th><th>Mã số TIN/ US TIN</th></tr>
<tr><td>1.</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>2.</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>3.</td><td></td><td></td><td></td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td>□ Tổ chức tài chính, vui lòng cung cấp thông tin theo Mẫu biểu W-8BEN-E/ Financial institutions, please provide info in Form W-8BEN-E to VPBank.</td></tr>
<tr><td>□ Không thuộc một trong các trường hợp trên đây, vui lòng điền và cung cấp thông tin theo Mẫu biểu W-8BEN-E | W-8IMY | W-8ECI | W-8EXP phù hợp do IRS ban hành/ You do not fall under any of the above statuses. Please fill in and provide a appropriate U.S. IRS Form W-8BEN-E / W-8IMY / W-8ECI / W-8EXP.</td></tr>
<tr><td></td><td></td></tr>
<tr><td>2</td><td>THÔNG TIN CHỦ SỞ HỮU HƯỞNG LỢI CUỐI CÙNG/ ULTIMATE BENEFICIAL OWNER'S INFORMATION:
Cá nhân sở hữu thực tế đối với 1 tài khoản hoặc 1 giao dịch (1a) chủ tài khoản (1b) đồng chủ tài khoản hoặc (1c) cá nhân khác chi phối hoạt động, thụ hưởng của tài khoản hoặc thụ hưởng từ giao dịch đó; /
Individual having the actual ownership of an account or one transaction: (1a) account holder (1b) joint account co-holder or (1c) anyone who governs the operation and beneficiary of that account or beneficiary of that transaction.
Cá nhân có quyền chi phối pháp nhân: (2a) Cá nhân nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 25% trở lên vốn điều lệ của Khách hàng; (2b) chủ doanh nghiệp tư nhân[13]; (2c) cá nhân khác thực tế chi phối, kiểm soát hoạt động của Khách hàng;/ Individual having the governing right over a legal entity: (2a) Individuals directly or indirectly hold more than or equal to 25% of Customer's Charter Capital; (2b) Private Company owner; (2c) other individuals controlling Customers Business activities;
Cá nhân có quyền chi phối một ủy thác đầu tư, thỏa thuận ủy quyền: (3a) cá nhân ủy thác, ủy quyền cho Khách hàng; (3b) Cá nhân có quyền chi phối cá nhân ủy thác/ủy quyền cho Khách hàng, (3c) cá nhân có quyền chi phối pháp nhân/tổ chức ủy thác, ủy quyền cho Khách hàng./ Individuals having the right to govern the investment trust, authorization agreement: (3a)individual authorizing/trusting customer; (3b) individual having the right to govern individual authorizing/trusting customer, (3c) individual having the right to govern legal entity/ organization authorizing/trusting customer
<table>
<tr><td colspan="2">Họ tên/ Full Name</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Đối tượng hưởng lợi/</td><td>Loại đối tượng/ Kind (1a, ab,..)/</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
</table></td></tr>
</table>

[12] Tham khảo bảng tiêu chí xác định Doanh nghiệp/ tổ chức phi tài chính nước ngoài (ngoài Hoa Kỳ) chủ động do VPBank cung cấp/ *For reference of Active NFFE, please see guidelines provided by VPBank.*

[13] *Áp dụng trong trường hợp Khách hàng là chủ doanh nghiệp tư nhân.,/ Applicable to Private Company Owner*

	Benefi ciary	**% sở hữu/ *owner-ship***							
	Ngày sinh/ *date of birth*								
	Quốc tịch/ *Nationality*								
	Nghề nghiệp/ Chức vụ/ *Job/Position*								
	Điện thoại/ *Tel*								
	CMND /Hộ chiếu/ Thẻ / *ID/Pas sport Numbe r*	Số/ *No*							
		Ngày cấp/ *Issuance Date*							
		Nơi cấp/ *Issuance Place*							
	Thị thực nhập cảnh/ *visa*	Số/ *No*							
		Ngày cấp/ *Issuance Date*							
		Ngày hết hạn/ *Expiry date*							
	Địa chỉ thường trú/ Cư trú ở nước ngoài/ *Permanent address/ Foreign residence address*								
	Nơi ở hiện tại/ *Current address*								

3	**MỤC ĐÍCH CỦA KHÁCH HÀNG TRONG MỐI QUAN HỆ VỚI VPBANK*/ *OBJECTIVES IN THE RELATIONSHIP WITH VPBANK*:** ☐ Sử dụng dịch vụ thu, chi hộ/ *Collection payment service* ☐ Thanh toán, chuyển tiền, kinh doanh trong nước / *Domestic payment, transfer, business* ☐ Thanh toán, chuyển tiền, kinh doanh quốc tế/ *International payment, transfer, business* ☐ Quản lý dòng tiền/ *Cash flow management* ☐ Các mục đích khác phục vụ cho hoạt động vận hành tổ chức/ *Other purposes serving operation* ☐ Khác/ *Other*;……..
4	Khách hàng có phải là người nhận ủy thác (bao gồm cả việc nhận ủy thác từ ủy thác nước ngoài) hoặc là bên nhận ủy quyền theo các thỏa thuận pháp lý[14] không/ *Are you a trustee of a trust (including a foreign trust) or authorized party of any Legal arrangement?** ☐ Không/ *No* ☐ Có, vui lòng cung cấp bổ sung thông tin theo mẫu biểu của VPBank./ *Yes, please fill up the specified form provided by VPBank.*

[14] Thỏa thuận pháp lý bao gồm các thỏa thuận được thiết lập bằng văn bản giữa tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước về ủy thác, ủy quyền đối với việc quản lý và sử dụng tiền, tài sản*/Legal Arrangement means a trust/an authorization agreement between Customer and Third Party(ies) for the management and use of money and assets.*

VIII. ỦY QUYỀN CỦA CHỦ TÀI KHOẢN VÀ CỦA KẾ TOÁN TRƯỞNG/PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN*/ *AUTHORIZATION OF THE ACCOUNT HOLDER AND CHIEF ACCOUNTANT/ PERSON IN CHARGE OF ACCOUNTING*

1. Ủy quyền của Chủ tài khoản/ *Authorization of the Account Holder*:

Bằng văn bản này, Chủ tài khoản – [Tên Khách hàng _____] ủy quyền cho Đại diện theo ủy quyền được thay mặt Chủ tài khoản thực hiện các giao dịch liên quan đến việc mở, sử dụng quản lý tài khoản thanh toán của Công ty (sau đây gọi tắt là "TKTT") được mở theo Giấy đề nghị này; Giấy đề nghị mở thêm tài khoản, Giấy đề nghị sửa đổi thông tin và/hoặc bất kỳ văn bản nào của Chúng tôi trong đó dẫn chiếu việc áp dụng ủy quyền này, bao gồm các công việc sau:

With this document, Account Holder – [Customer name] hereby authorize those who is Authorized Person(s) of Account Holder to carry out transations related to opening, using our current account ("current account") opened under this Request cum Contract; Request for opening more account, Requests for info change and/or any of our documents referred to this authorization, including

1.1. Thực hiện ký kết, xác nhận các Hợp đồng, văn bản, chứng từ sau đây (bao gồm các văn bản/phụ lục sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ liên quan đến các Hợp đồng, văn bản, chứng từ này) phát sinh từ và/hoặc liên quan đến việc sử dụng, quản lý TKTT được mở tại VPBank, bao gồm nhưng không giới hạn:
Sign, approve the following Contracts, documents (including documents/annex of amendment, supplement, cancellation of these Contracts, documents) which originated in and/or related to opening, using, managing current accounts at VPBank, including but not limited to:

(i) Các Hợp đồng, văn bản, chứng từ/lệnh thanh toán theo quy định của VPBank để nộp tiền, rút tiền mặt, đề nghị thực hiện cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước và quốc tế như cung ứng phương tiện thanh toán qua TKTT, thực hiện dịch vụ thanh toán séc, Lệnh chi, Ủy nhiệm chi, Nhờ thu, Ủy nhiệm thu, Chuyển tiền, Thu hộ, Chi hộ…và các dịch vụ gia tăng khác phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Contracts, documents payment order requested by VPBank for deposit, cash withdrawal request for domestic, international payment services via current account including: providing means of payment, check payment service performance, payment order, standing order, collection, encashment order, transfer, cash collection, cash payment… and other value-added services in compliance with current law.

(ii) Các Hợp đồng, văn bản, chứng từ theo quy định của VPBank để quản lý TKTT bao gồm nhưng không giới hạn như văn bản Đề nghị xác nhận số dư TKTT; Tạm khóa TKTT; Phong tỏa TKTT; Chấm dứt tạm khóa TKTT; Giải tỏa TKTT; Đóng TKTT; Đề nghị cung cấp thông tin; Sửa đổi thông tin TKTT; Đề nghị tra soát khiếu nại …và các văn bản khác liên quan đến sử dụng quản lý TKTT.

Contracts, documents based on VPBank's requirement related to Current Account management including but not limited to Request to verify account balance; block account partly or fully; Unblock account; close account; provide information change account information; investigate complaints …and other documents/ related to current account use.

(iii) Các Hợp đồng, văn bản, chứng từ theo quy định của VPBank để tham gia, sử dụng các tất cả các Sản phẩm/Dịch vụ thông qua TKTT, bao gồm nhưng không giới hạn như Dịch vụ sổ phụ tài khoản/nhận hóa đơn; Dịch vụ SMS Banking/VPBank SMS; Yêu cầu sổ séc; Dịch vụ internet banking/VPBank online; Dịch vụ thẻ ngân hàng (Thẻ ghi nợ); Dịch vụ trả lương qua tài khoản; Dịch vụ nộp thuế điện tử; Dịch vụ thu hộ, chi hộ và các Sản phẩm/Dịch vụ khác thông qua TKTT.

Contracts, documents based on VPBank's requirement to join, use products/services via current account bus ledger/invoice delivery service, SMS Banking/VPBank SMS, request for checkbook internet banking/VPBank Online/Corporate VPBank Online, bank card (debit cards), payroll services, Electronic tax payment service, collection/payment services… and other products/services via current account

(iv) Các Hợp đồng, văn bản, chứng từ theo quy định của VPBank để tham gia, sử dụng các Sản phẩm/Dịch vụ liên quan đến Tài trợ thương mại do VPBank cung cấp thông qua TKTT, bao gồm nhưng không giới hạn Sản phẩm/Dịch vụ L/C thư tín dụng (L/C trả ngay, L/C trả chậm, L/C UPAS, L/C xuất khẩu….và các loại L/C khác), Nhờ thu xuất/nhập khẩu…

Contracts, documents based on VPBank's requirement to join, use approving/accepting using products/services related to trade finance provided by VPBank including but not limited to at sight LC,

deferred L/C, LC UPAS, export L/C …and other LC), export/import collection...

1.2. Thực hiện ký kết, xác nhận các Hợp đồng, văn bản, chứng từ (bao gồm các văn bản/phụ lục sửa đổi bổ sung, hủy bỏ liên quan đến Hợp đồng, văn bản, chứng từ này) theo quy định của VPBank để tham gia, sử dụng các Sản phẩm/Dịch vụ Tiền gửi, Chứng chỉ tiền gửi, Kỳ phiếu, Trái phiếu, mua bán Giấy tờ có giá, Ngoại hối (giao dịch ngoại tệ, hoán đổi lãi suất, phái sinh lãi suất, vàng…), Giao dịch qua fax, Giao dịch qua email, Dịch vụ thu hộ, Dịch vụ chi hộ.
Sign, approve the following Contracts, documents (including documents/ annexs of amendment, suoolement, cancellation of these Contracts, documents) under VPBank's regulation for using products/services of deposit, CDs, promissory note, bond, valuable papers trading, foreign exchange (foreign currencies exchange, swap, derivative transactions, gold….), transaction via fax, transaction via email, collection, payment services

1.3. Khi thực hiện ký kết, xác nhận các Hợp đồng, văn bản, chứng từ nêu trên, Đại diện theo ủy quyền được toàn quyền thỏa thuận/quyết định các vấn đề liên quan như phí sử dụng, phí quản lý, phí duy trì, lãi suất, tỷ giá, phạt vi phạm, chỉ định người sử dụng Sản phẩm/Dịch vụ (đối với Sản phẩm/Dịch vụ mà trong Hợp đồng có nội dung thỏa thuận về người sử dụng như Dịch vụ VPBank Online/Thẻ ghi nợ…), quyền và nghĩa vụ và các vấn đề khác phát sinh từ hoặc có liên quan đến việc mở, sử dụng, quản lý TKTT tại VPBank và tham gia sử dụng các Sản phẩm/Dịch vụ do VPBank cung cấp như nêu trên, bao gồm cả quyền được thực hiện sửa đổi/bổ sung/thay đổi nội dung của bất kỳ Hợp đồng, văn bản, chứng từ đó.
When signing, verify contracts, documents mentioned above, Authorized Person is entitled to negotiate/decide related matters, such as service fee, managing fee, maintenance fee, interest rate, exchange rate, violation penalty,appointment of users for products/services, (for products/services in the contact, documents on agreement of user such as internet banking/VPBank Online/Email…), rights and responsibilities and other matters which came from or related to, using, managing current account at VPBank and using products/services provided by VPBank mentioned above, including the rights to amend/add/change content of any Contracts, documents thereof.

1.4. Được giao nhận Hợp đồng, văn bản, chứng từ như nêu trên với đại diện VPBank đồng thời được chỉ định Người giao nhận Hợp đồng, văn bản, chứng từ này với đại diện VPBank; Được thực hiện các công việc khác theo quy định của VPBank liên quan đến việc mở, quản lý và sử dụng TKTT theo quy định pháp luật.
Deliver Contracts, documents mentioned above to VPBank's representative and at the same time assign the persons delivering contracts, documents with VPBank's Representative; Carry out other activities as required by VPBank related to account management and account usage under provision of the law.

1.5. Đại diện theo ủy quyền được sử dụng con dấu theo đăng ký tại văn bản này để đóng vào phần chữ ký của Chủ tài khoản trong các Hợp đồng, văn bản, chứng từ nêu trên.
Authorized Person is entitled to use the seal registered in this Request cum Contract to put on the Authorized Person's signature in Contracts, documents thereof.

1.6. Đại diện theo ủy quyền thực hiện theo đúng nội dung ủy quyền và không được phép ủy quyền lại cho người khác ngoại trừ trường hợp được quy định khác trong văn bản ủy quyền này.
Authorized Person(s) comply with scope of authorization and reauthorization is not permitted except cases regulated in this Authorization document

1.7. Việc hủy bỏ, thay thế ủy quyền sử dụng tại văn bản này (nếu có) không làm chấm dứt trách nhiệm của pháp nhân ủy quyền đối với các giấy tờ, giao dịch do Đại diện theo ủy quyền đã xác lập với VPBank.
The cancellation and replacement of authorization in this document (if any) will not terminate the reponsibility of Authorizers for documents, transactions which were established between Authorized persons and VPBank.

1.8. Ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày Chúng tôi được VPBank chấp thuận các nội dung theo Giấy đề nghị mở và sử dụng TKTT Khách hàng tổ chức này tại Mục B - Phần dành cho VPBank dưới đây cho đến khi VPBank nhận được văn bản hủy bỏ/thay thế của Chủ tài khoản và những thay đổi này đã được VPBank chấp thuận.
This authorization will take effect from when VPBank accepts the contents in section B – For Bank Use Only below until VPBank receives a document of cancellation/ replacement from Account Holder and these changes must be accepted by VPBank

2. Ủy quyền của Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán/ *Authorization by Chief Accountant/Person in charge of Accounting*:

Bằng văn bản này, Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán ủy quyền cho Người được ủy quyền được thay mặt

Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán thực hiện các công việc sau đây:

In this document, Chief accountant/person in charge of accounting authorizes Authorized person to act on behalf of Chief accountant/Person in charge accounting as follows

2.1. Người được ủy quyền của Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán được thay mặt Kế toán trưởng/phụ trách kế toán ký vào phần chữ ký trên các văn bản giao dịch liên quan đến TKTT trong phạm vi được uỷ quyền.

Authorized person of Chief accountant/person in charge of accounting is entitled to sign as and on behalf of Chief Accountant/Person in charge of accounting in documents related to using the current account under scope of authorization.

2.2. Với tư cách là Người được ủy quyền bởi Kế toán trưởng/phụ trách kế toán, Người được ủy quyền được thực hiện toàn bộ các quyền đồng thời có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Kế toán trưởng/phụ trách kế toán theo quy định của pháp luật.

As Authorized persons of Chief Accountan/ Person in charge of accounting, Authorized persons are entitled to commit all rights and bear all reponsibilities of Chief Accountan/person in charge of accounting under provision of the law.

2.3. Trong quá trình thực hiện các công việc được ủy quyền, Người được ủy quyền phải tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan và không được ủy quyền lại cho người khác thực hiện các công việc được ủy quyền.

During the period of authorization, Authorized persons must comply to related laws and regulations and must not reauthorize to somebody else to carry out the authorized work.

2.4. Việc hủy bỏ, thay thế ủy quyền sử dụng tại văn bản này (nếu có) không làm chấm dứt trách nhiệm của Người ủy quyền đối với các giấy tờ, giao dịch do Người được ủy quyền đã xác lập với VPBank.

The cancellation and amendment of authorization in this document (if any) will not terminate the reponsibility of Authorizers for documents, transactions which were established between Authorized persons and VPBank.

2.5. Ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày Chúng tôi được VPBank chấp thuận tại Mục B – Phần dành cho VPBank dưới đây cho đến khi VPBank nhận được văn bản hủy bỏ/thay thế của Người ủy quyền và những thay đổi này đã được VPBank chấp thuận.

This authorization will take effect from when VPBank accepts the contents of this document in section B – For Bank Use Only below until VPBank receives a document of cancellation/replacement from Authorizer and these changes must be accepted by VPBank.

3. Cam kết ủy quyền Chủ tài khoản, Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán/ / *Delegation commitment of Account Holder, Chief Accountant/Person in charge of accounting*

Chủ tài khoản, Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi cam kết, giao dịch do Người được ủy quyền thực hiện trong phạm vi ủy quyền và xác nhận:

Account Holder, Chief accountant/person in charge of accounting authorizes bears legal reponsibibilities and liabilities for all commitments and transactions that Authorized persons carried out within the scope of authorization and verify:

(i) Đã hiểu rõ rằng nội dung ủy quyền tại văn bản này là rất rộng;
Being aware that the scope of authorization stipulated in this document is very wide;

(ii) Đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích của mình và hậu quả pháp lý của việc ủy quyền;
Being aware of rights,responsibilities, benefit, and legal consquences of the authorization;

(iii) Đồng ý với mọi nội dung ủy quyền tại văn bản này và không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện, tranh chấp nào đối với VPBank liên quan đến việc VPBank thực hiện các giao dịch do Người được ủy quyền/Người được ủy quyền lại xác lập.
Agreeing with all content of authorization in this document and will not claim, sue, dispute VPBank in relation to the consquence of transactions which were initiated by the Authorized persons/reauthorized persons (if any) and conducted by VPBank.

IX. ĐĂNG KÝ NGƯỜI GIAO NHẬN HỢP ĐỒNG, VĂN BẢN, CHỨNG TỪ VÀ HÌNH THỨC NHẬN GIẤY ĐỀ NGHỊ KIÊM HỢP ĐỒNG TỪ VPBANK (Tích vào ô để lựa chọn)*/ *REGISTRATION ON PERSON DELIVERING AND RECEIVING CONTRACT, DOCUMENTS AND FORM OF REQUEST CUM CONTRACT RECEIVED FROM VPBANK*

1. ☐	**Đăng ký người giao nhận Hợp đồng, văn bản, chứng từ Khách hàng giao dịch với VPBank là cán bộ được chỉ định (i) theo các văn bản (Giấy giới thiệu/thông báo/Văn bản ủy quyền…) và (ii) cán bộ được đăng ký như dưới/** *Registering the person delivering and receiving Contracts, documents Customers dealing with VPBank are designated officers (i) according to the documents (Letter of introduction/notice/delegation...) and (ii) officers registered as below*:
1.1. Họ và tên/*Full name*: _____Chức vụ/ *Position*:_____ Điện thoại/ *Telephone Number*:_____Email:_____ Số CMND/Hộ chiếu/CCCD */ID, Passport*: _____Ngày cấp/ *Issuance date*: _____ Nơi cấp/*Issuance Place* _____	
1.2. Họ và tên *Full name*: _____Chức vụ/ *Position*:_____ Điện thoại/ *Telephone Number*:_____Email:_____ Số CMND/Hộ chiếu/CCCD/ *ID, Passport*: _____Ngày cấp/*Issuance date*: _____ Nơi cấp/*Issuance Place* _____	
Chỉ thị đặc biệt (nếu có)/ *Special instruction(if any)*: _____ _____	
Ghi chú: Trường hợp Khách hàng lựa chọn Phương thức ủy quyền theo Văn bản ủy quyền riêng (không tích hợp ủy quyền tại Giấy đề nghị này) thì việc giao nhận các Hợp đồng, văn bản, chứng từ như nêu tại Mục VIII vẫn được áp dụng *Note: In case Customer chooses the delegation method according to a specific Letter of delegation (not integrating the delegation in this Request cum contract), the delivery of the contracts, documents as stated in Section VIII still is applied*.	
2. **Đăng ký hình thức nhận Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng này từ VPBank sau khi đại diện VPBank ký, đóng dấu vào Mục B - Phần dành cho VPBank dưới đây/** ***Registration of the form of Request cum Contract from VPBank after VPBank's representation has signed, sealed in section B - part for the bank below***	
2.1	☐ Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng này được lập thành 01 (một) bản gốc, Khách hàng đề nghị VPBank giữ 01 (một) bản gốc và gửi cho Khách hàng 01 (một) bản sao/ *This request cum Contract is made into 01 (one) original. Customer requests VPBank to keep 01 (one) original and send 01 (one) copy*.
2.2	☐ Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản gốc, VPBank giữ 01 (một) bản gốc và gửi cho Khách hàng 01 (một) bản gốc/ *This request cum Contract is made into 02 (two) originals, VPBank holds 01 (one) original and sends 01 (one) original to customer*.

X. XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG/ *WARRANTY OF THE CUSTOMER*:

1. Chúng tôi đồng ý mở, sử dụng TKTT đã được mở tại VPBank, thực hiện duy trì và tuân thủ các quy định về quản lý, sử dụng TKTT của VPBank trong từng thời kỳ.

   We agree *to open and use accounts at VPBank, maintain and comply with regulations on management, usage of current account of VPBank in each period.*

2. Chúng tôi xác nhận đã nhận, đọc và được tư vấn giải thích đầy đủ nội dung của Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng và sử dụng tài khoản thanh toán, Bản Điều kiện giao dịch chung về mở và sử dụng tài khoản thanh toán Khách hàng là tổ chức (Áp dụng cho Khách hàng tổ chức mở và sử dụng TKTT thông qua Chi nhánh/VPĐD) và Điều khoản và Điều kiện về tuân thủ đạo luật FATCA dành cho Khách hàng tổ chức được VPBank công bố trên website *http://www.vpbank.com.vn.* Bản Điều kiện giao dịch chung được coi là Phụ lục không tách rời của Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán này. Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với các điều khoản, điều kiện này, bao gồm cả biểu phí dịch vụ của VPBank. Chúng tôi hiểu rằng chính sách về mở, quản lý, sử dụng tài khoản và biểu phí dịch vụ do VPBank cung cấp có thể được thay đổi trong từng thời kỳ và những thay đổi này sẽ ràng buộc Chúng tôi. Chúng tôi đồng ý rằng VPBank có thể thông báo cho Chúng tôi về những thay đổi này bằng một trong các phương thức liên hệ do VPBank triển khai từng thời kỳ bao gồm nhưng không giới hạn một trong các phương thức sau: gọi điện thoại; gửi tin nhắn SMS hoặc gửi email theo số điện thoại, địa chỉ email của Chúng tôi hoặc của Đại diện theo pháp luật/Đại diện theo ủy quyền của Chúng tôi theo đăng ký tại Giấy đề nghị này; niêm yết tại trụ sở địa điểm kinh doanh hoặc thông báo trên website chính thức của VPBank (website: www.vpbank.com.vn). Đối với các nội dung VPBank thông báo cho Chúng tôi bằng văn bản, Chúng tôi hiểu rằng văn bản có thể được VPBank lập và gửi bằng bản giấy hoặc bằng các thông điệp dữ liệu qua tin nhắn SMS hoặc email ... cho Chúng tôi. *We acknowledge that we have received, read and been advised the entire content of the proposal cum contract for opening and using account, General Conditions of opening and using accounts for corporate customers and the Terms and Conditions of FATCA compliance for corporate customers published on VPBank website http://www.vpbank.com.vn. We fully*

agree to these terms and conditions, including VPBank's fee schedule. We understand that the policy of opening, managing, using the account and the fee schedule provided by VPBank can be changed from time to time and these changes will bind on us. We agree that VPBank may inform us of such changes by using one of the following contact methods of VPBank from time to time including but not limited to one of the following methods: phoning; sending SMS or emailing to either our telephone number, e-mail address or our Legal representative's/authorized representative's which are registered in this Proposal; placing the notification at VPBank's headquarters, business locations or announcing on the official website of VPBank (website: www.vpbank.com.vn). We understand that VPBank's written notification may be sent to us by a means of mailing, SMS, emailing, or other means of communication. We acknowledge that all notices, agreements, informations exchanged by and/ or between VPBank and us (includes this Proposal cum contract for opening and using account) in bilingual form of English and Vietnamese, the Vietnamese version shall prevail in case of any discrepancy.

3. Chúng tôi cam kết rằng/ *We*:

(i) Mọi thông tin Chúng tôi cung cấp là chính xác, đầy đủ, chân thực.

Warrant that all information provided by us is accurate, sufficient, and true.

(ii) Đồng ý để VPBank xác thực các thông tin trên từ bất kỳ nguồn nào mà VPBank có được.

We agree to let the Bank to verify above information from any sources that the Bank may have.

(iii) Đồng ý để VPBank được sử dụng các thông tin về Chúng tôi và các khoản tín dụng của Chúng tôi bao gồm cả các thông tin từ các văn bản, các tài liệu do Chúng tôi cung cấp; các hợp đồng, văn bản ký kết giữa Chúng tôi và VPBank để cung cấp cho các đơn vị có chức năng cung cấp dịch vụ thông tin tín dụng và/hoặc đánh giá tín nhiệm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, hoặc cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật hoặc cung cấp cho các đối tác liên quan có hợp tác với VPBank để phát triển, cung cấp hoặc liên quan đến việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ của VPBank.

We agree that VPBank may use information of us and our credit including information from documents provided by us; contracts, agreements signed with VPBank to provide to credit information services an/or credit assessment of legal operation in Vietnam, or to competent authorities under provisions of relevant law or to relevant third parties partnering with VPBank to develop, provide or related to providing products, services of VPBank.

(iv) Chúng tôi sẽ thông báo cho VPBank trong vòng 30 ngày nếu có bất kỳ thay đổi nào đối với thông tin mà chúng tôi đã cung cấp cho VPBank và miễn trừ trách nhiệm của VPBank trong mọi trường hợp nếu Chúng tôi chậm trễ trong việc không thực hiện theo đúng cam kết này.

We will notify VPBank within 30 days if there is any change to the information we have provided to VPBank and waive VPBank's liabilities in any case if we fail to comply with this commitment.

(v) Bằng việc ký trên Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở và sử dụng TKTT Khách hàng tổ chức (Áp dụng cho Khách hàng tổ chức mở và sử dụng TKTT thông qua Chi nhánh/VPĐD) này Đại diện theo pháp luật, Đại diện theo ủy quyền của Chủ tài khoản, Kế toán trưởng/phụ trách kế toán, Người được ủy quyền bởi Kế toán trưởng/phụ trách kế toán cam kết đồng ý tuân thủ các nội dung tại Bản Điều kiện giao dịch chung về mở và sử dụng tài khoản thanh toán (Áp dụng Khách hàng tổ chức) và Điều khoản và Điều kiện về tuân thủ đạo luật FATCA dành cho Khách hàng tổ chức được VPBank công bố trên website *http://www.vpbank.com.vn*. Bản Điều kiện giao dịch chung và Điều khoản và Điều kiện về tuân thủ đạo luật FATCA dành cho Khách hàng tổ chức được coi là Phụ lục không tách rời của Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán này.

By signing this Request cum Contract, Account Holder/Legal Representative, Authorized Person of Account Holder, Chief Accountant /Person in charge of accounting, Authorized Person by Chief Accountant/Person in charge of accounting agree to comply with General Trading Conditions on opening and using current account for Entity, General Trading Conditions on the provision and use of Corporate VPBank Online, General Trading Conditions for issuance and use of debit card (for Entity) and FATCA Compliance Statement for Entity published on VPBank's official website (http://www.vpbank.com.vn). These General Conditions of opening and using accounts and Terms and Conditions of FATCA compliance for corporate customers are considered an inseparable Appendix of this Proposal cum contract for opening and using account.

(vi) Chúng tôi xác nhận rằng các thông báo, thỏa thuận, thông tin trao đổi giữa Chúng tôi và VPBank (bao gồm cả Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán này) trong trường hợp được

lập bằng song ngữ Tiếng Anh và Tiếng Việt, nội dung Tiếng Việt luôn được ưu tiên áp dụng.

We acknowledge that all notices, agreements, informations exchanged by and/ or between VPBank and us (includes this Proposal cum contract for opening and using account) in bilingual form of English and Vietnamese, the Vietnamese version shall prevail in case of any discrepancy.

_____, ngày ___ tháng ____năm_____

_____, date _____

KẾ TOÁN TRƯỞNG/PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN ***CHIEF ACCOUNTANT/ PERSON IN CHARGE OF ACCOUNTING*** *(Ký và ghi rõ họ tên)* *(Sign and write full name)*	**CHỦ TÀI KHOẢN/ *ACCOUNT HOLDER*** **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/ *LEGAL REPRESENTATIVE*** *(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)* *(Sign and write full name, seal)*

B- <u>PHẦN DÀNH CHO VPBANK/ *FOR VPBANK*</u>:

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng/ *Vietnam Prosperity Joint-Stock Commercial Bank* – Chi nhánh/ *Branch* _____ (VPBank)

- Địa chỉ/ *Address*: _____
- Điện thoại/ *Tel*: _____ - Fax: _____

Sau khi kiểm soát và xác định Hồ sơ mở tài khoản thanh toán của Khách hàng là đầy đủ và hợp lệ, VPBank đồng ý mở Tài khoản thanh toán cho Khách hàng, cụ thể/ *Upon checking and determining that the Customer's application documents are complete and valid, VPBank agrees to open account for the Customer, specifically:*

Mã Khách hàng/ *Customer code* (CIF): _____

Loại Tiền/ *Currency*	Số Tài khoản/ *Account Number*	Ngày bắt đầu hoạt động/ *Operation date*
□ VND		
□ USD		
□ Đồng tiền khác/*other*: _____		

Xác nhận của VPBank về trạng thái FATCA của Khách hàng/ ***VPBank's certification of Customer's FATCA status***:

☐ Tổ chức phi tài chính là Người Hoa Kỳ/ *U.S. person*

☐ Tổ chức phi tài chính là Người Hoa Kỳ xác định/ *Specified U.S. person*

☐ Tổ chức phi tài chính chống đối là người Hoa Kỳ/ *Recalcitrant account holder that are U.S. person*

☐ Tổ chức phi tài chính nước ngoài chủ động/ *Active NFFE*

☐ Tổ chức phi tài chính nước ngoài bị động không có cá nhân có quyền kiểm soát là người Hoa Kỳ/ *Passive NFFE without substantial U.S. owner(s)*

☐ Tổ chức phi tài chính nước ngoài bị động có cá nhân có quyền kiểm soát là người Hoa Kỳ/ *Passive NFFE with substantial U.S. owner(s)*

☐ Tổ chức phi tài chính nước ngoài bị động chống đối/ *Recalcitrant account holder that is passive NFFE*

☐ Tổ chức phi tài chính chống đối không có dấu hiệu Hoa Kỳ (Chỉ áp dụng cho Khách hàng mở CIF trước 02/4/2016)/ *(Chỉ áp dụng đối với Khách hàng mở CIF trước 02/4/2016)/ Recalcitrant account holder without U.S. Indicia (applicable only to a Customer who opened CIF before April 2, 2016)*

☐ Tổ chức phi tài chính chống đối có dấu hiệu Hoa Kỳ (Chỉ áp dụng cho Khách hàng mở CIF trước 02/4/2016)/ *Recalcitrant account holder with U.S. Indicia (applicable only to a Customer who opened CIF before April 2, 2016)*

Các thông tin yêu cầu kiểm tra đã được hoàn thiện bởi Khách hàng và thông tin đã cung cấp là chính xác, đầy đủ và cập nhật/ *The information required inspection has been completed by the Customer and the provided information is accurate, complete and up-to-date.*

_____, ngày ___ tháng ____năm_____
_____date,_____

Chuyên viên Dịch vụ Khách hàng/ *Customer service Staff*	**Kiểm soát viên/Trưởng nhóm giao dịch viên/ *Controller/Leader of Tellers***	**Giám đốc Dịch vụ Khách hàng/ Trưởng phòng *Customer serivce Director/Manager***
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*	*(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
(Sign and write full name)	*(Sign and write full name)*	*(Sign and write full name, seal)*